

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản
có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản
tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 254/TTr-SNN ngày 10/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan triển khai thực hiện; theo dõi kiểm tra, hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số khu vực, hình thức, ngư cụ, đối tượng thủy sản cấm khai thác và kích thước tối thiểu của các loài thủy sản được phép khai thác trong các vùng nước tự nhiên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng
khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND
Ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; một số nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; một số nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh

1. Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn

TT	Tên điểm	Xã	Tọa độ		Đặc điểm	Thời gian cấm khai thác
			Kinh độ	Vĩ độ		
Tp. Buôn Ma Thuột - Huyện Buôn Đôn						
1	Sông Srêpôk đoạn Sau Nhà máy thủy điện Đray H'Linھ đến hồ chứa thủy điện Srêpôk 3	Hòa Phú, Hòa Xuân (BMT), Ea Nuôl (Buôn Đôn)	107 ⁰ 54' 18.66" 107 ⁰ 54' 19.45"	120 40' 31,47" 120 43' 36,40"	- Sông dài khoảng 6.200 m - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống	Từ 01/06 đến 31/12
Huyện Krông Ana						
2	Ngã sáu - Đập thủy điện	Ea Na	107 ⁰ 57' 36,0324"	12 ⁰ 30' 54,2844"	- Sông dài khoảng 3.800 m - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống	Từ 01/11 đến 30/4 năm sau
			107 ⁰ 57' 41,076"	12 ⁰ 30' 59,8248"		
			107 ⁰ 59' 12,4404"	12 ⁰ 29' 41,82"		
			107 ⁰ 59' 6,63"	12 ⁰ 29' 32,4528"		
3	Quỳnh Ngọc 2	Ea Na	107 ⁰ 59' 32,532"	12 ⁰ 29' 37,608"	- Sông dài khoảng 1.600 m - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/5 đến 31/10
			107 ⁰ 59' 34,3068"	12 ⁰ 29' 42,81"		
			108 ⁰ 0' 20,9952"	12 ⁰ 29' 47,1156"		
			108 ⁰ 0' 24,372"	12 ⁰ 29' 43,6128"		

4	Cù Lao Buôn Trấp	Ea Na - TT. Buôn Trấp	108 ⁰ 0' 17,5212"	12 ⁰ 29' 36,1032"	- Sông dài khoảng 1.700 m - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/5 đến 31/10
			108 ⁰ 0' 20,718"	12 ⁰ 29' 40,056"		
			108 ⁰ 1' 7,6188"	12 ⁰ 29' 10,6224"		
			108 ⁰ 1' 1,2468"	12 ⁰ 29' 8,6748"		
5	Cánh đồng Suối đục	Ea Na	108 ⁰ 0' 31,1616"	12 ⁰ 30' 7,074"	- Suối đục và cánh đồng ngập lụt khoảng 107 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/5 đến 31/10
			108 ⁰ 0' 40,2336"	12 ⁰ 30' 9,1764"		
			108 ⁰ 0' 48,438"	12 ⁰ 30' 13,9788"		
			108 ⁰ 0' 58,7304"	12 ⁰ 30' 10,7856"		
			108 ⁰ 1' 8,8752"	12 ⁰ 30' 9,7776"		
			108 ⁰ 1' 18,3432"	12 ⁰ 30' 14,5476"		
			108 ⁰ 1' 26,2812"	12 ⁰ 30' 8,7372"		
			108 ⁰ 1' 26,6376"	12 ⁰ 29' 57,444"		
			108 ⁰ 1' 16,554"	12 ⁰ 29' 48,6492"		
			108 ⁰ 1' 8,3532"	12 ⁰ 29' 49,524"		
			108 ⁰ 1' 0,1884"	12 ⁰ 29' 46,14"		
			108 ⁰ 0' 53,1684"	12 ⁰ 29' 40,8696"		
			108 ⁰ 0' 35,5464"	12 ⁰ 29' 58,1028"		
6	Cánh đồng Đạt Lý	TT. Buôn Trấp - Bình Hòa	108 ⁰ 1' 11,2584"	12 ⁰ 28' 26,6916"	- Khoảng 60 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/7 đến 30/9
			108 ⁰ 1' 9,6564"	12 ⁰ 28' 47,244"		
			108 ⁰ 1' 45,1272"	12 ⁰ 28' 42,2148"		
			108 ⁰ 1' 40,044"	12 ⁰ 28' 21,9144"		
7	Sinh voi	Bình Hòa	108 ⁰ 1' 14,722"	12 ⁰ 28' 20,8812"	- Khoảng 05 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản và thủy sản còn non sinh sống.	Cả năm
			108 ⁰ 1' 14,8332"	12 ⁰ 28' 26,0328"		
			108 ⁰ 1' 25,5288"	12 ⁰ 28' 24,3156"		
			108 ⁰ 1' 25,8924"	12 ⁰ 28' 18,3216"		
8	Cánh đồng Bầu Cụt	Bình Hòa	108 ⁰ 0' 5,1624"	12 ⁰ 27' 8,5284"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 184 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/7 đến 30/9
			108 ⁰ 0' 53,8128"	12 ⁰ 27' 41,7348"		
			108 ⁰ 1' 9,048"	12 ⁰ 27' 29,2608"		
			108 ⁰ 1' 8,7528"	12 ⁰ 27' 9,54"		
			108 ⁰ 0' 16,6536"	12 ⁰ 26' 43,8108"		
9	Cánh đồng Bầu bèo	Bình Hòa	108 ⁰ 0' 37,6596"	12 ⁰ 26' 54,1788"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 84 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/7 đến 30/9
			108 ⁰ 1' 5,07"	12 ⁰ 27' 7,7256"		
			108 ⁰ 1' 20,6292"	12 ⁰ 26' 37,3092"		
			108 ⁰ 0' 57,996"	12 ⁰ 26' 28,4244"		
10	Ngã ba Bầu Gai - Đồi 42	Bình Hòa	108 ⁰ 0' 46,5336"	12 ⁰ 26' 5,9712"	- Sông dài khoảng 1.400 m - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/5 đến 31/10
			108 ⁰ 0' 49,1688"	12 ⁰ 26' 13,668"		
			108 ⁰ 1' 19,776"	12 ⁰ 26' 22,5096"		
			108 ⁰ 1' 24,4416"	12 ⁰ 26' 22,2324"		
11	Bầu Gai	Bình Hòa	108 ⁰ 1' 5,3508"	12 ⁰ 26' 11,6808"	- Khoảng 13 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống	Từ 01/11 đến 30/4 năm sau
			108 ⁰ 1' 6,9672"	12 ⁰ 26' 13,8156"		
			108 ⁰ 1' 11,2872"	12 ⁰ 26' 12,1632"		
			108 ⁰ 1' 13,3032"	12 ⁰ 26' 9,2256"		
			108 ⁰ 1' 18,0948"	12 ⁰ 26' 9,3984"		

			108 ⁰ 1' 23,5056"	12 ⁰ 26' 3,9588"		
			108 ⁰ 1' 20,712"	12 ⁰ 25' 59,0592"		
			108 ⁰ 1' 12,7056"	12 ⁰ 25' 56,9064"		
			108 ⁰ 1' 8,0652"	12 ⁰ 26' 9,7332"		
12	Bầu Sen	Bình Hòa	108 ⁰ 0' 9,6192"	12 ⁰ 25' 49,242"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 63 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/7 đến 30/9
			108 ⁰ 0' 24,5556"	12 ⁰ 26' 12,9768"		
			108 ⁰ 0' 43,8516"	12 ⁰ 26' 11,3568"		
			108 ⁰ 0' 43,9596"	12 ⁰ 26' 0,9744"		
			108 ⁰ 0' 39,2436"	12 ⁰ 25' 43,9932"		
13	Bầu Rô	Bình Hòa - Quảng Điền	108 ⁰ 0' 43,254"	12 ⁰ 25' 58,4292"	- Diện tích khoảng 19 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	Từ 01/11 đến 30/4 năm sau
			108 ⁰ 0' 43,9596"	12 ⁰ 26' 0,9744"		
			108 ⁰ 0' 56,0376"	12 ⁰ 25' 55,074"		
			108 ⁰ 1' 8,8176"	12 ⁰ 25' 36,1056"		
			108 ⁰ 1' 4,6704"	12 ⁰ 25' 32,5632"		
14	Bầu Lạnh	Quảng Điền	108 ⁰ 0' 41,2704"	12 ⁰ 25' 20,2728"	- Bầu Lạnh và xung quanh khoảng 15 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	Từ 01/11 đến 30/4 năm sau
			108 ⁰ 0' 50,0328"	12 ⁰ 25' 28,6932"		
			108 ⁰ 1' 2,496"	12 ⁰ 25' 24,0348"		
			108 ⁰ 0' 56,2284"	12 ⁰ 25' 14,4696"		
15	Bầu Núi	Quảng Điền	108 ⁰ 0' 28,1592"	12 ⁰ 25' 13,1844"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 36 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/7 đến 30/9
			108 ⁰ 0' 39,6468"	12 ⁰ 25' 16,9212"		
			108 ⁰ 0' 38,124"	12 ⁰ 25' 4,62"		
			108 ⁰ 0' 47,754"	12 ⁰ 24' 59,1336"		
			108 ⁰ 1' 7,374"	12 ⁰ 25' 2,5536"		
			108 ⁰ 1' 0,4692"	12 ⁰ 24' 52,7868"		
			108 ⁰ 0' 40,4244"	12 ⁰ 24' 51,2532"		
			108 ⁰ 0' 28,4076"	12 ⁰ 25' 3,6912"		
16	Ngã ba Eo Đồn	Quảng Điền	108 ⁰ 1' 31,566"	12 ⁰ 24' 56,9088"	- Sông và cánh đồng ngập lụt khoảng 11 ha - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản.	Từ 01/5 đến 31/10
			108 ⁰ 1' 34,8348"	12 ⁰ 25' 3,3708"		
			108 ⁰ 1' 37,8156"	12 ⁰ 25' 4,9044"		
			108 ⁰ 1' 44,5656"	12 ⁰ 24' 56,9844"		
			108 ⁰ 1' 39,432"	12 ⁰ 24' 46,7316"		
17	Bầu Sen	Quảng Điền	108 ⁰ 1' 53,742"	12 ⁰ 25' 18,4404"	- Hồ tự nhiên và cánh đồng ngập lụt khoảng 12 ha. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	Từ 01/11 đến 30/4 năm sau
			108 ⁰ 1' 54,264"	12 ⁰ 25' 21,918"		
			108 ⁰ 1' 57,2808"	12 ⁰ 25' 21,3528"		
			108 ⁰ 2' 2,8392"	12 ⁰ 25' 23,754"		
			108 ⁰ 2' 9,6792"	12 ⁰ 25' 21,2952"		
			108 ⁰ 2' 10,68"	12 ⁰ 25' 16,9788"		
			108 ⁰ 2' 13,5348"	12 ⁰ 25' 17,8788"		
			108 ⁰ 2' 18,7404"	12 ⁰ 25' 17,652"		
			108 ⁰ 2' 8,4912"	12 ⁰ 25' 11,2224"		
			108 ⁰ 2' 3,5376"	12 ⁰ 25' 15,5172"		
			108 ⁰ 1' 58,0944"	12 ⁰ 25' 15,4848"		
			108 ⁰ 1' 56,964"	12 ⁰ 25' 19,038"		

Hồ Lắk - Huyện Lắk						
18	Buôn M'lieng, Buôn Drung, Buôn B'Hốc	Liên Son, Yang Tao	108°10'0.57"	12°25'24.62"	- Một phần hồ khoảng 52 ha. - Khu vực thủy sản tập trung sinh sản. - Khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.	Cả năm
			108°10'9.48"	12°25'22.49"		
			108°10'19.67"	12°25'37.17"		
			108°10'33.33"	12°25'31.34"		
			108°10'42.99"	12°25'30.64"		
			108°10'44.98"	12°25'36.05"		
			108°10'44.41"	12°25'54.63"		
			108°10'54.02"	12°26'1.67"		
			108°11'3.66"	12°25'58.89"		
			108°10'55.12"	12°25'57.05"		
			108°10'45.20"	12°25'50.90"		
			108°11'17.03"	12°26'9.92"		
			108°11'21.68"	12°26'11.40"		
			108°11'22.21"	12°26'14.70"		
			108°11'26.22"	12°26'15.02"		
			108°11'26.10"	12°26'9.59"		
			108°11'28.17"	12°26'8.25"		
			108°11'26.57"	12°26'5.91"		
			108°11'17.14"	12°26'6.28"		
			108°11'51.78"	12°25'37.00"		
			108°11'34.54"	12°25'36.54"		
			108°11'21.19"	12°25'29.95"		
			108°11'12.80"	12°25'18.03"		
			108°11'13.68"	12°24'54.47"		
			108°11'29.28"	12°24'51.29"		
			108°11'48.72"	12°24'59.43"		
			108°11'51.64"	12°25'32.45"		
			108°11'39.80"	12°25'31.14"		
			108°11'31.64"	12°25'21.67"		
			108°11'34.71"	12°25'18.02"		
			108°11'37.67"	12°24'33.68"		
			108°11'28.37"	12°24'38.36"		
			108°11'16.43"	12°24'38.14"		
			108°11'6.62"	12°24'30.36"		
			108°11'10.58"	12°24'28.14"		
			108°11'15.65"	12°24'30.85"		
			108°11'21.44"	12°24'32.01"		
			108°11'26.19"	12°24'34.66"		
			108°11'33.83"	12°24'37.45"		
			108°11'40.40"	12°24'35.90"		

Ghi chú: Khu vực cấm là thuộc phạm vi các điểm có tọa độ thuộc khu vực đó nối liền với nhau

2. Nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Nghề, ngư cụ cấm	Phạm vi
1	Sử dụng công cụ kích điện mang trên người; sử dụng công cụ kích điện trên tàu cá (ghe, xuồng, bè...); sử dụng trực tiếp từ máy phát điện trên tàu cá; sử dụng dòng điện từ lưới điện	Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tất cả các thủy vực trên địa bàn tỉnh
2	Nghề lưới kéo (nghề cào)	Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tất cả các thủy vực trên địa bàn tỉnh
3	Tất cả các nghề, ngư cụ khai thác thủy sản	Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này
4	Nghề, ngư cụ cấm khai thác theo quy định của Luật Thủy sản và quy định Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tất cả thủy vực trên địa bàn tỉnh

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành việc thực hiện pháp luật về thủy sản, quy định về nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

b. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

c. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng bản đồ và cắm mốc các khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

d. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; một số nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản bổ sung tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh cho Tổng cục Thủy sản và UBND tỉnh theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a. Tổ chức triển khai, chỉ đạo lực lượng công an, các phòng ban chuyên môn cùng cấp tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm theo quy định.

b. Chỉ đạo UBND cấp xã trên địa bàn quản lý phổ biến, tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát xử lý các vi phạm theo quy định pháp luật.

c. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tham mưu, triển khai thực hiện xây dựng bản đồ, cắm mốc khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn quản lý.

d. Định kỳ trước ngày 15/11 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Các Sở, ban ngành liên quan

a. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí phục vụ cho việc phổ biến, tuyên truyền, xây dựng bản đồ, cắm mốc, tuần tra, kiểm soát theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn sử dụng kinh phí từ xử phạt vi phạm các quy định này theo pháp luật hiện hành.

b. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai các vấn đề liên quan đến tài nguyên nước; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và hỗ trợ việc chuyển giao các quy trình sản xuất các loài thủy sản quý hiếm theo các quy định hiện hành, đặc biệt các loài thủy đặc sản phân bố trên địa bàn tỉnh.

c. Các Sở, ban ngành khác có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, thực hiện quy định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh phải chấp hành nghiêm túc Quy định này. Các trường hợp khác chưa được quy định kèm theo Quyết định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị